

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 02-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Anh Đào;

Ông Đặng Thành Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Vũ Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 01-01-1988; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Thái H**, sinh năm 1963 (Chết) và bà **Võ Ngọc H1**, sinh năm 1963 (Sống); **A** (chị) em ruột: 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; Có chồng tên **Phạm Thành S**, sinh năm 1986; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 11-01-2023 bị **Công an huyện T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chơi tài - xỉu) trái phép ăn thua bằng tiền, nộp phạt xong ngày 16-02-2023; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Người làm chứng:**

1/. **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1960 (có mặt);

Cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Phan Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4/. Lê Minh T1, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5/. Lâm Minh S1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11-01-2023 Trần Ngọc T bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chơi tài - xỉu), nộp phạt xong ngày 16-02-2023 nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 28-9-2023 Công an thị trấn S, huyện T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện T bắt quả tang tụ điểm đánh bạc, với hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền tại quán cà phê bà N bán bánh canh (không xác định họ tên cụ thể) tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp gồm có: Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Ú, Huỳnh Văn D, Phan Văn C đang tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu nên Công an thị trấn S, huyện T tiến hành lập biên bản bắt quả tang và thu giữ 03 (ba) hột xí ngầu; 01 (một) cái đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu đen; tiền Việt Nam 50.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định Trần Ngọc T là người làm cái lắc tài xỉu, còn Huỳnh Văn D, Nguyễn Thị Ú và Phan Văn C cùng tham gia đặt tài xỉu, mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, khi chơi được khoảng 02 ván, kết quả Thù thắng 01 ván, thua 01 ván thì bị lực lượng Công an thị trấn S, huyện T bắt quả tang.

***Vật chứng của vụ án thu giữ được:**

03 (ba) hột xí ngầu;

01 (một) đĩa sành màu trắng;

01 (một) nắp nhựa màu đen;

Tiền Việt Nam 50.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKSTH ngày 21-02-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo **Trần Ngọc T** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Trần Ngọc T** thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Trần Ngọc T** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Trần Ngọc T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Ngọc T** mức hình phạt từ 03 (Ba) tháng đến 06 (S2) tháng tù.

Đối với hành vi của **Nguyễn Thị Ú**, **Huỳnh Văn D** và **Phan Văn C** tham gia đánh bạc cùng với **T** nhưng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên **Công an huyện T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.500.000 đồng là phù hợp nên không đề nghị xem xét.

Đối với **Trương Văn K**, **Võ Văn T2** không tham gia đánh bạc nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng tuyên:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 50.000 đồng vì đây là số tiền dùng đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hột xí ngầu; 01 (một) đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu đen đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng.

Tại phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Tại nói lời sau cùng: Bị cáo **Trần Ngọc T** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa những người làm chứng: **Phan Văn C**, **Nguyễn Thị Ú**, **Lê Minh T1**, **Lâm Minh S1** vắng mặt nhưng đã có lời khai ở Cơ quan Cảnh sát điều

tra. Căn cứ vào các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Hành vi đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền của bị cáo Trần Ngọc T khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cũng như phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: Trần Ngọc T đã có một tiền sự về hành vi “Đánh bạc” nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Trần Ngọc T tiếp tục tham gia đánh bạc với hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền 02 ván, cụ thể: Mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng; kết quả Thù thắng 01 ván, thua 01 ván thì bị lực lượng Công an thị trấn S, huyện T bắt quả tang.

Mặc dù số tiền bị cáo Trần Ngọc T sử dụng để đánh bạc chưa đủ định lượng (từ 5.000.000 đồng trở lên) để cấu thành tội đánh bạc, tuy nhiên bị cáo Trần Ngọc T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, bị cáo đã nộp phạt xong (ngày 16-02-2023) nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định: Tội “Đánh bạc”.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”.

Đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng nếp sống văn minh của xã hội và là tệ nạn của xã hội nên Nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần xét xử bị cáo mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Trần Ngọc T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ các nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội nhưng có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo đã vi phạm cũng đủ để trừng trị, giáo dục, răn đe bị cáo và thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo **Trần Ngọc T** mua bán nhỏ, thu nhập thấp và không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Đối với hành vi của **Nguyễn Thị Ú**, **Huỳnh Văn D** và **Phan Văn C** tham gia đánh bạc cùng với **T** nhưng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên **Công an huyện T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.500.000 đồng là phù hợp.

[7] Đối với **Trương Văn K**, **Võ Văn T2** không tham gia đánh bạc nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cụ thể:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 50.000 đồng vì đây là số tiền dùng đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hột xí ngầu; 01 (một) đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu đen đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng.

[9] Về án phí: Bị cáo **Trần Ngọc T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc T** 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 50.000 đồng vì đây là số tiền dùng đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hột xí ngầu; 01 (một) đĩa sành màu trắng; 01 (một) nắp nhựa màu đen đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Trần Ngọc T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 02-4-2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương